

恒利會計與顧問有限公司

EVER WIN ACCOUNTING & CONSULTING CO.,LTD



稅務新知 AC-2201 Điểm tin Thuế

標題	關於移轉訂價管理之規定
Tiêu đề	QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT
編撰	經理 阮維成 會計師
Người soạn	Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành
涉及範圍	移轉訂價
Phạm vi liên quan	Giao dịch liên kết

Think for you Do for you
為您思考 用心服務



關於移轉訂價管理之規定

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

一、適用對象

Đối tượng áp dụng

1. 是屬對象以申報方式繳納營業所得稅及依本議定第 5 條與各方有發生交易關聯的組織生產，經營商品，勞務（簡稱為納稅人）。

Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi chung là người nộp thuế) là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. 稅務機關包括：總稅務局，市稅務局，稅務分局。

Cơ quan thuế bao gồm Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế.

3. 對於適用移轉訂價管理規定有關聯的國家機構、組織、其他個人，包括國家的稅務機關，與越南所簽訂稅務協定還有效力之領土。

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc áp dụng quy định về quản lý giá của giao dịch liên kết, bao gồm cả Cơ quan thuế của quốc gia, vùng lãnh thổ có Hiệp định thuế đang còn hiệu lực với Việt Nam.

二、使用原則

Nguyên tắc áp dụng

1. 有移轉訂價行為的納稅人必須申報相關移轉訂價報告；排除由于聯結支配關係而納稅義務減少，互動對於各移轉訂價相當於各獨立交易共同條件確認納稅義務的因素。

Người nộp thuế có giao dịch liên kết phải thực hiện kê khai các giao dịch liên kết; loại trừ các yếu tố làm giảm nghĩa vụ thuế do quan hệ liên kết chi phối, tác động để xác định nghĩa vụ thuế đối với các giao dịch liên kết tương đương với các giao dịch độc lập có cùng điều kiện.

關於移轉訂價管理之規定

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

2. 稅務機構依獨立交易原則與決定本質形式實施管理、檢查、清查納稅人的移轉訂價，依本規定為確保不消滅企業納稅義務與國家庫銀，並作出調整移轉訂價以確認正確的議務稅。

Cơ quan thuế thực hiện quản lý, kiểm tra, thanh tra đối với giá giao dịch liên kết của người nộp thuế theo nguyên tắc giao dịch độc lập và bản chất quyết định hình thức để không công nhận các giao dịch liên kết làm giảm nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với ngân sách nhà nước và thực hiện điều chỉnh giá giao dịch liên kết để xác định đúng nghĩa vụ thuế quy định tại Nghị định này.

3. 獨立交易原則適用於與各方之間獨立交易原則，在越南有效力的協定沒有隸屬聯結關係。

Nguyên tắc giao dịch độc lập được áp dụng theo nguyên tắc giao dịch giữa các bên độc lập, không có quan hệ liên kết tại các Hiệp định thuế có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

三、關聯方關係定義

Các bên thuộc diện liên kết được quy định cụ thể như sau:

1. 一家公司直接或間接在另一企業股權持有之門檻至少為 25% ；

Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia;

2. 兩家公司由第三方直接或間接股權持有之門檻至少為 25% ；

Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;

3. 一家公司在另一企業是最大股東，直接或間接股權持有之門檻至少為 10% ；

Một doanh nghiệp là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia, nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp kia;

關於移轉訂價管理之規定

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

4. 一家企業擔保或給另外一家企業以任何形式借貸資金（包括來自第三方獲關聯方財政擔保及類似性質金融交易的貸款）與條件至少等於債務方之業主權益 25% 及佔中期、長期貸款之總額 50% 以上；

Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;

5. 一家企業指定執行董事會成員或掌握控制權的另一企業，與條件第一企業所指定必需超於第二企業的執行董事會成員或控制權之 50%；或第一企業指定的成員有權決定第二企業之財政政策或經營活動；

Một doanh nghiệp chỉ định thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một doanh nghiệp khác với điều kiện số lượng các thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của doanh nghiệp thứ hai; hoặc một thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thứ hai;

6. 兩家企業共同有執行董事會成員超於 50% 或有一成員有權決定財政政策或經營活動由第三方指定；

Hai doanh nghiệp cùng có trên 50% thành viên ban lãnh đạo hoặc cùng có một thành viên ban lãnh đạo có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh được chỉ định bởi một bên thứ ba;

關於移轉訂價管理之規定

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

7. 兩家企業由個人執行或控管人事，財政及經營活動。個人屬於其中的關係：妻子、丈夫、親父、養父、親母、養母、親子女、養子女、兄弟、姊妹、姊夫、妹婿、嫂嫂、弟媳、祖父、祖母、外祖父、外祖母、外孫、姑媽、叔父、伯父、姨媽、孫兒；

Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, ông nội, bà nội, cháu nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu ngoại, cô, chú, bác, cậu, dì ruột và cháu ruột;

8. 兩家公司有共同總部及經營地點，或國外組織、個人有共同經營地點；
Hai cơ sở kinh doanh có mối quan hệ trụ sở chính và cơ sở thường trú hoặc cùng là cơ sở thường trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

9. 一家或多家企業由個人以資金投資至其企業來管控或參加執行事務；
Một hoặc nhiều doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;

10. 其他狀況企業受另一企業執行、管控決定實際生產經營活動。
Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp chịu sự điều hành, kiểm soát quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia.

四、確認移轉訂價之比對方法

Các phương pháp so sánh xác định giá của giao dịch liên kết

1. 關聯交易與獨立交易的價格比對方法 (簡稱為獨立交易價格比對方法)。
Phương pháp so sánh giá giao dịch liên kết với giá giao dịch độc lập (sau đây viết tắt là phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập).

關於移轉訂價管理之規定

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

2. 納稅人與獨立比對對象的利潤率比對方法。

Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận của người nộp thuế với tỷ suất lợi nhuận của các đối tượng so sánh độc lập.

3. 與關聯方分配利潤方法。

Phương pháp phân bổ lợi nhuận giữa các bên liên kết.

五、用於申報, 制定, 管理移轉訂價之數據庫

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết

1. 納稅人用於申報, 制定移轉訂價之數據庫包含:

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế, bao gồm:

a) 數據庫由各經營組織提供資料, 包括財政資料以及企業的資料由該組織收集從公開及存儲、更新使用管理之信息源(以下簡稱為商業數據庫);

Cơ sở dữ liệu do các tổ chức kinh doanh thông tin cung cấp, bao gồm thông tin tài chính và dữ liệu của doanh nghiệp do các tổ chức này thu thập từ các nguồn thông tin công khai và lưu giữ, cập nhật, quản lý sử dụng (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu thương mại);

b) 各企業之資料會在股市公開發佈;

Thông tin dữ liệu của các doanh nghiệp được công bố công khai trên thị trường chứng khoán;

c) 在國外, 國內的商品交易所發佈資料;

Thông tin, dữ liệu công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế;

d) 由國內政府相關部門公開發佈或其他官方來源之資料;

Thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước công bố công khai hoặc các nguồn chính thức khác.

關於移轉訂價管理之規定

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

2. 用於稅局管理移轉訂價之資料，包含：

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kết của Cơ quan thuế, gồm:

a) 數據庫規定依本條例第 1 款；

Cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) 資訊，資料與各稅局互相交換；

Thông tin, dữ liệu trao đổi với các Cơ quan thuế đối tác;

c) 資訊由各國內政府相關部門提供予稅局；

Thông tin do các cơ quan bộ, ngành trong nước cung cấp cho Cơ quan thuế;

d) 稅局的數據庫

Cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế.

若企業違反規定於本議定第 12 條第 3 項，稅局可使用資料庫進行機密數據比對。

Cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế sử dụng trong quản lý rủi ro và ấn định giá giao dịch liên kết đối với các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

3. 選擇獨立比對對象作分析，確認獨立交易符合比對分析原則，以及確定移轉訂價方法規定在本議定，依以下次序優先選擇比對資料：

Phân tích lựa chọn đối tượng so sánh độc lập để phân tích, xác định khoảng giao dịch độc lập tuân thủ nguyên tắc phân tích so sánh và các phương pháp xác định giá giao dịch liên kết quy định tại Nghị định này, theo thứ tự ưu tiên lựa chọn dữ liệu so sánh như sau:

a) 納稅人的內部比對對象；

Đối tượng so sánh nội bộ của người nộp thuế;

b) 比對對象與納稅人共同國家、領土；

Đối tượng so sánh cư trú cùng quốc gia, lãnh thổ với người nộp thuế;

關於移轉訂價管理之規定

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

c) 在其他國家當地區有相同行業條件及經濟發展程度之對象。

Đối tượng ở các nước trong khu vực có điều kiện ngành và trình độ phát triển kinh tế tương đồng.

六、移轉訂價申報，提交文件之豁免的情況

Các trường hợp người nộp thuế được miễn kê khai, miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết

1. 納稅人與各聯方交易是在越南需繳納營業所得稅對象之情況就可免申報依本法令規定附錄 01 表格第 III 項目、第 IV 項，適用同等營業所得稅稅率以及無任何一方可享有營業所得之優惠，但需申報依本法令規定附錄 01 表格第 I 項目、第 II 項。

Người nộp thuế được miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, nhưng phải kê khai căn cứ miễn trừ tại mục I, mục II tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. 依本規定附錄 01 表格納稅人有責任申報確認定價但可豁免提交文件之情況下：

Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này nhưng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trong các trường hợp sau:

a) 納稅人的年總營收不超過 500 億越盾且關聯交易總額不超過 300 億越盾；

Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng;

關於移轉訂價管理之規定

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

b) 具有預先定價協議的納稅人根據預先定價協議規定提交年度報告。對於預先定價協議未涵蓋的關聯交易，納稅人有義務遵守上述移轉訂價文件要求；

Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá. Các giao dịch liên kết không thuộc phạm vi áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá, người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

c) 納稅人從事單純營業活動，並從使用無形資產不產生營收、費用，年總收入不超過 2000 億越盾，且不含利息費用之營收淨利，超過以下比率：

Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:

- 零售批發業：5%

Phân phối: Từ 5% trở lên;

- 製造業：10%

Sản xuất: Từ 10% trở lên;

- 加工業：15%

Gia công: Từ 15% trở lên.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



www.everwin-group.com

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ marketing@everwin-group.com

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ marketing@everwin-group.com

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Ha Noi

☎ M +84 908 398 199

✉ marketing@everwin-group.com

Think for you Do for you
為您思考 用心服務

